

Số: 10 /2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết việc cưỡng chế thi hành quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/TTr-STNMT ngày 22/3/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

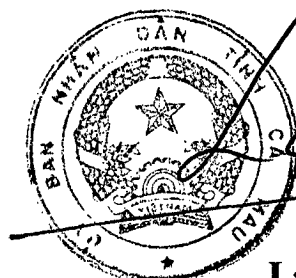
Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tư pháp; Chánh Thanh tra tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN-MT (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- NC (A);
- Lưu: VT, Tr 05/4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

QUY ĐỊNH

**Chi tiết việc cưỡng chế thi hành quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2017/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật mà các bên hoặc một trong các bên không tự nguyện chấp hành trên địa bàn tỉnh Cà Mau (gọi là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất không tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan; các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ có liên quan đến việc thi hành cưỡng chế theo Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là quyết định hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định để giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn do pháp luật quy định tại khoản 58 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

b) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai bị khởi kiện ra Tòa án nhưng sau đó Tòa án trả lại đơn khởi kiện hoặc có quyết định đình chỉ vụ án hoặc Tòa án giải quyết công nhận quyết định (bác đơn khởi kiện của đương sự).

3. Đối tượng bị cưỡng chế là người đang sử dụng đất không hợp pháp, không tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc và điều kiện cưỡng chế

1. Nguyên tắc cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại mục 2, khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

2. Điều kiện cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại mục 3, khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế

Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thực hiện theo quy định tại mục 4, khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ

Điều 6. Nộp đơn yêu cầu cưỡng chế

1. Người yêu cầu thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật phải nộp đơn yêu cầu việc thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định (áp dụng Mẫu số 1 của Phụ lục kèm theo Quy định này) và kèm theo hồ sơ có liên quan tại Ban Tiếp công dân huyện, thành phố Cà Mau (sau đây gọi là Ban Tiếp công dân cấp huyện).

2. Ban Tiếp công dân cấp huyện vào sổ nhận đơn, viết phiếu nhận đơn và chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) để xử lý theo quy định.

Điều 7. Tham mưu ban hành quyết định cưỡng chế

1. Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu thực hiện cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chức năng đã được giao nhiệm vụ triển khai quyết định và theo dõi việc thực hiện quyết định chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phải gấp gỡ, làm việc với các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có) để thu thập thông tin, động viên, tuyên truyền, thuyết phục, yêu cầu các bên chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, cơ quan chức năng đã được giao nhiệm vụ triển khai quyết định và theo dõi việc thực hiện quyết định phải báo cáo kết quả đến người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế theo Điều 5 Quy định này; báo cáo gồm các nội dung cơ bản sau: Việc triển khai thực hiện; quá trình giải thích, tuyên truyền, thuyết phục; yêu cầu của các bên tranh chấp; nhận xét và kiến nghị ban hành quyết định cưỡng chế, thành lập Ban thực hiện cưỡng chế nếu đối tượng không tự nguyện chấp hành.

2. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền phải xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế, thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

Điều 8. Quyết định cưỡng chế, thành lập Ban thực hiện cưỡng chế

1. Quyết định cưỡng chế (*áp dụng Mẫu số 2 của Phụ lục kèm theo Quy định này*) phải có các nội dung cơ bản sau:

- Họ tên và địa chỉ của người bị cưỡng chế;
- Nội dung cưỡng chế, lý do cưỡng chế, biện pháp thực hiện cưỡng chế, thời gian thực hiện, địa điểm thực hiện cưỡng chế;

2. Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế theo quy định tại mục 6, khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Điều 9. Triển khai quyết định cưỡng chế, niêm yết quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phải gửi quyết định cưỡng chế cho Ban thực hiện cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi là cấp xã*) nơi tổ chức cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức triển khai và gửi quyết định cưỡng chế cho đối tượng bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan. Quyết định cưỡng chế được triển khai, giao trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện bằng hình thức bảo đảm cho đối tượng bị cưỡng chế biết:

a) Đối với trường hợp quyết định cưỡng chế được triển khai giao trực tiếp mà đối tượng bị cưỡng chế không nhận, cố tình vắng mặt (tại nơi cư trú hoặc không đến làm việc theo thư mời; không có người thân sống tại nơi cư trú hoặc không ủy quyền cho người khác đến làm việc theo thư mời) thì Ban thực hiện cưỡng chế phải lập biên bản về việc đối tượng cưỡng chế vắng mặt không nhận quyết định cưỡng chế; đồng thời lập biên bản niêm yết quyết định cưỡng chế tại Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở khóm, ấp nơi thực hiện cưỡng chế, có 02 (hai) người chứng kiến ký vào biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, thì được xem là quyết định đã được giao;

Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế vắng mặt thì quyết định cưỡng chế được giao cho một trong những người trong gia đình của đối tượng bị cưỡng chế có đủ năng lực hành vi dân sự, cùng nơi cư trú với đối tượng bị cưỡng chế, bao gồm: Cha, mẹ, vợ, chồng, con của đối tượng bị cưỡng chế. Việc giao quyết định cưỡng chế phải lập biên bản, phải có ký tên hoặc điểm chỉ của người nhận, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, thì được xem là quyết định đã được giao.

b) Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại cho Ban thực hiện cưỡng chế với lý do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận; đồng thời lập biên bản

niêm yết quyết định cưỡng chế tại Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở khóm, ấp nơi thực hiện cưỡng chế, có 02 (hai) người chứng kiến ký vào biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã thì được xem là quyết định đã được giao.

3. Quyết định cưỡng chế sau khi được ban hành phải được niêm yết công khai tối thiểu 05 (năm) ngày trước khi thực hiện cưỡng chế tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và trụ sở khóm, ấp nơi thực hiện cưỡng chế. Việc niêm yết được lập thành biên bản, có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì (có trách nhiệm niêm yết), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng khóm, ấp nơi thực hiện cưỡng chế.

Quyết định cưỡng chế phải được niêm yết công khai cho đến khi kết thúc việc cưỡng chế.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch thực hiện cưỡng chế

1. Trưởng Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức việc thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế; chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện cưỡng chế và lập dự toán kinh phí trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế.

2. Kế hoạch thực hiện cưỡng chế (*áp dụng Mẫu số 3 của Phụ lục kèm theo Quy định này*) phải có các nội dung cơ bản: Đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm cưỡng chế, phương pháp cưỡng chế; lực lượng tham gia, hỗ trợ; tổ chức và kinh phí thực hiện cưỡng chế.

3. Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền thanh, truyền hình để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 11. Động viên, thuyết phục và thông báo cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế hoặc không nhận trực tiếp nhưng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục thì Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ngành, đoàn thể cấp xã động viên, thuyết phục đối tượng bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan tự nguyện chấp hành quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện và phải được thành phần tham dự, đối tượng bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ. Việc chấp hành tự nguyện phải được thực hiện trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản.

3. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành sau 03 (ba) ngày làm việc thì Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành lập biên bản xác nhận về việc không tự nguyện thi hành và tiến hành thông báo thời gian cưỡng chế bằng văn bản. Thông báo cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản: Đối tượng được thông báo cưỡng chế; thời gian, địa điểm cưỡng chế; thời hạn cưỡng chế sau 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo; yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế.

Điều 12. Thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa

1. Trên cơ sở đã ban hành quyết định cưỡng chế, kế hoạch thực hiện cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa:

a) Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ngành, đoàn thể cấp xã và ít nhất phải có 02 (hai) người chứng kiến.

b) Trước khi thực hiện cưỡng chế, nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này. Việc chấp hành tự nguyện phải được thực hiện ngay, có sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế.

c) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản (*áp dụng Mẫu số 4 của Phụ lục kèm theo Quy định này*) và giao cho người bị cưỡng chế một bản. Biên bản phải ghi rõ: Thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và người chứng kiến; hiện trạng đất khi cưỡng chế, kết quả thực hiện cưỡng chế và phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

2. Ban thực hiện cưỡng chế buộc đối tượng bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện thực hiện thì Ban thực hiện cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa đối tượng bị cưỡng chế cùng tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế.

3. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan từ chối nhận tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế xử lý như sau:

a) Đối với các loại tài sản không bảo quản được, dễ hư hỏng (thủy sản, hoa màu...) thì Ban thực hiện cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận ngay sau khi tiến hành cưỡng chế; nếu chủ sở hữu tài sản từ chối nhận tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính hoặc tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập có chức năng về việc thanh lý tài sản tiến hành kiểm kê, tổ chức bán ngay các loại tài sản này. Việc kiểm kê và bán tài sản phải lập thành biên bản gồm có các nội dung: Thành phần tham gia kiểm kê bán tài sản; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người chứng kiến, tên và địa chỉ đơn vị thu mua tài sản; số lượng (nếu thống kê được), trọng lượng, giá đối với từng loại tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu), tổng số tiền bán được; biên bản phải có chữ ký của thành phần bán tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có), đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người chứng kiến, người mua tài sản. Số tiền thu được, sau khi trừ các khoản chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn vào tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng;

b) Đối với tài sản bảo quản được, Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu) và lập biên bản bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã bảo quản hoặc cơ quan có trách nhiệm chủ trì thực hiện cưỡng chế thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản tài sản. Biên bản phải có ký tên hoặc điểm chỉ của đại diện bên bàn giao; bên nhận bảo quản tài sản; chủ sở hữu tài sản (nếu có mặt) và đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và 02 (hai) người trực tiếp chứng kiến;

Đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý thì phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng tài sản và được gửi vào tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng.

c) Nếu trường hợp trên đất có mồ mả, cơ sở tôn giáo, công trình xây dựng khác có giá trị lớn thì Trưởng Ban thực hiện cưỡng chế có ý kiến bằng văn bản trình người ban hành quyết định cưỡng chế để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế phải niêm yết thông báo tại Ủy ban nhân dân cấp xã và trụ sở khóm, ấp nơi thực hiện cưỡng chế về thời gian, địa điểm để chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhận tiền, tài sản. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức niêm yết.

4. Trong quá trình thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định ranh giới, mốc giới và lập biên bản bàn giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, người quản lý, người sử dụng hợp pháp. Biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban thực hiện cưỡng chế, đối tượng nhận đất và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức họp để đánh giá kết quả thực hiện cưỡng chế và báo cáo kết quả cưỡng chế đến người ra quyết định cưỡng chế. Báo cáo cưỡng chế gồm có các nội dung: Quá trình thực hiện cưỡng chế, kết quả cưỡng chế; thuận lợi, khó khăn; kinh nghiệm và kiến nghị (nếu có).

Điều 13. Xử lý tài sản tạm quản lý thuộc trường hợp bán đấu giá

1. Quá thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo nhận tài sản mà chủ sở hữu tài sản không đến nhận tài sản được quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 12 Quy định này thì cơ quan chủ trì cưỡng chế trình người ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện bán đấu giá tài sản.

2. Việc bán đấu giá tài sản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về bán đấu giá tài sản.

3. Cơ quan chủ trì cưỡng chế lập thủ tục bán đấu giá theo quy định. Số tiền thu được sau khi trừ các chi phí cho việc bán đấu giá tài sản, vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản, sẽ được gửi vào tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền đó.

4. Đối với tài sản tạm quản lý nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán được thì cơ quan chủ trì cưỡng chế trình người ra quyết định cưỡng chế tiến hành tiêu hủy tài sản đúng theo quy định.

Điều 14. Lưu trữ hồ sơ cưỡng chế

1. Hồ sơ cưỡng chế lưu trữ gồm có:

- a) Đơn yêu cầu thực hiện cưỡng chế;
- b) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật;
- c) Quyết định cưỡng chế;
- d) Kế hoạch thực hiện cưỡng chế;

đ) Biên bản niêm yết quyết định cưỡng chế tại Ủy ban nhân dân cấp xã và trụ sở khóm, ấp; biên bản giao quyết định cưỡng chế; biên bản động viên, thuyết phục; biên bản thực hiện cưỡng chế; biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý và các biên bản khác;

e) Thông báo nhận tài sản;

g) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản khác;

h) Báo cáo kết quả cưỡng chế.

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu tại cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chi phí thực hiện cưỡng chế

1. Đối tượng bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế việc hoàn trả chi phí bằng các biện pháp được quy định tại các điểm a, b và c, khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

2. Chi phí thực hiện cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại mục 7, khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Việc quản lý, tạm ứng và hoàn trả chi phí thực hiện việc cưỡng chế áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 16/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành cưỡng chế

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế, tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế; tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại liên quan đến cưỡng chế theo quy định của pháp luật.
2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thực hiện cưỡng chế.
3. Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm bảo đảm an ninh trật tự trong quá trình tổ chức thực hiện cưỡng chế.
4. Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện cưỡng chế.
5. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tham gia thực hiện cưỡng chế; di chuyển, bảo quản tài sản của đối tượng bị cưỡng chế, đối với trường hợp không nhận tài sản do Ban thực hiện cưỡng chế bàn giao.
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế khi có yêu cầu, tạo điều kiện tốt để Ban thực hiện cưỡng chế hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 17. Giải quyết khiếu nại và xử lý trường hợp tái chiếm đất

1. Đối tượng bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện việc thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố tụng hành chính.
2. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan tái chiếm đất đã được tổ chức cưỡng chế thì xử lý theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai.

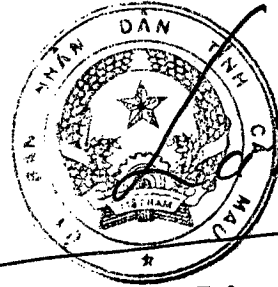
Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện việc cưỡng chế.
2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cưỡng chế.
3. Công an cấp huyện tổ chức lực lượng nắm chắc diễn biến, tình hình liên quan đến đối tượng cưỡng chế, đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thực hiện cưỡng chế.
4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan tùy theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực của ngành khi có yêu cầu.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

Lâm Văn Bi

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC

Một số biểu mẫu văn bản áp dụng trong thi hành
cưỡng chế quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2017/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐƠN YÊU CẦU

Về việc thực hiện cưỡng chế thi hành
quyết định tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/ thành phố Cà Mau.

Họ và tên (là tổ chức thì ghi người đại diện theo pháp luật):

Ngày, tháng, năm sinh:.....;

Số CMND:; cấp ngày:...../...../ 20.....; tại:.....;

Hộ khẩu thường trú:.....;

Địa chỉ liên hệ:.....;

Số điện thoại cá nhân:

Nay, Tôi viết đơn yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/ thành phố Cà Mau thực hiện việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày.....tháng.....năm....., nhưng chưa được thực hiện đúng theo nội dung giải quyết.

Tôi rất mong Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/ thành phố Cà Mau sớm xem xét, giải quyết để bảo đảm quyền lợi cho tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản photo Quyết định số.....;
- Bản photo Biên bản triển khai Quyết định.....;
- Các giấy tờ khác có liên quan.....;

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/ THÀNH PHỐ
CÀ MAU (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

(2)....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế thi hành quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/ THÀNH PHỐ CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chi tiết cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Xét đơn yêu cầu ngày ...tháng...năm.... về việc thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật của ông (bà)/tổ chức.....;

Để bảo đảm thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số...../QĐ-UBND ngàythángnămdo.....(3).....ký;

Căn cứ Văn bản giao quyền số/..... ngày ... tháng ... năm..... (nếu Quyết định này là cấp phó ký);

Tôi:....., chức vụ:....., đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (1) đối với:

Ông (bà)/Tổ chức:.....

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... ; Quốc tịch:

Địa chỉ thường trú:

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt:.....

Giấy CMND hoặc Hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc Giấy phép ĐKKD số:, cấp ngày:....., nơi cấp:

- Nội dung cưỡng chế:
- Lý do cưỡng chế:.....
- Biện pháp cưỡng chế gồm:.....(4).....
- Thời gian thực hiện:(5)....., kể từ ngày nhận được Quyết định này.

- Địa điểm thực hiện:(6).....
- Cơ quan chủ trì cưỡng chế:
- Cơ quan phối hợp:.....

Điều 2. Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà):; Trưởng Ban;
2. Ông (bà):; Phó Trưởng Ban (nếu có);
3. Ông (bà):; Thành viên;
4.

Ban thực hiện cưỡng chế có nhiệm vụ:

- Giao/gửi Quyết định cưỡng chế cho đối tượng bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Xây dựng Kế hoạch thực hiện cưỡng chế trình người ban hành quyết định cưỡng chế phê duyệt và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định.
- Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế ngoài thực địa đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp.
- Được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân huyện/ thành phố Cà Mau trong thực hiện nhiệm vụ.
- Ban thực hiện cưỡng chế tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức(7)..... để chấp hành.

Ông (bà)/tổ chức bị cưỡng chế phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế.

Ông (bà)/tổ chức bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao(8)để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- (3)
- Lưu: VT.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Ghi tên huyện, thành phố Cà Mau.
2. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
3. Chức danh, cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
4. Ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng.
5. Ghi rõ thời gian tổ chức cưỡng chế.
6. Ghi rõ địa điểm tổ chức cưỡng chế.
7. Ghi họ tên, chức vụ/số CMND, đơn vị/địa chỉ người thi hành Quyết định (người bị cưỡng chế) theo Điều 1 Quyết định này.
8. Ghi rõ tên cơ quan chủ trì cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

ỦY BAN NHÂN DÂN.....(1)
BAN THỰC HIỆN
CƯỠNG CHẾ (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Theo Quyết định
số:...../QĐ-UBND ngày
.../.../.....của Chủ tịch
UBND.....)

(3), ngày.....tháng....năm

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Cưỡng chế thi hành Quyết định số

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... /.../ của ... (4) về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật số .../QĐ-UBND ngày ... /.../ của ... (4) ..., Ban thực hiện cưỡng chế lập kế hoạch tiến hành cưỡng chế như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:.....

.....

2. Yêu cầu:

.....

II. Nội dung cưỡng chế:

.....(5).....

III. Phương pháp tiến hành cưỡng chế:

..... (6).....

IV. Dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó; Phương án bố trí nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế (nếu có).

.....

.....

V. Tổ chức thực hiện

- Tiến độ thực hiện:

- Chế độ thông tin, báo cáo:

- Thành viên tiến hành cưỡng chế; lực lượng tham gia hỗ trợ.

- Điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện cưỡng chế:
- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Những vấn đề khác (nếu có):.....

**PHÊ DUYỆT CỦA NGƯỜI RA QUYẾT
ĐỊNH CƯỠNG CHẾ**

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

TRƯỞNG BAN CƯỠNG CHẾ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú

1. Tên cơ quan ban hành Quyết định cưỡng chế
2. Tên Ban thực hiện cưỡng chế
3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
4. Chức danh, cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế;
5. Đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm cưỡng chế; dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó;
6. Phương pháp, cách thức tiến hành cưỡng chế.

.....(1)
 (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)..., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Với các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của
(4)..... về việc

Hôm nay, vào lúc ... giờ ... ngày .../.../..., tại (5).....,

I. CHÚNG TÔI GỒM:

1. Đại diện(2).....

- Ông (bà)chức vụ

-

-

2. Các bên tranh chấp

- Ông (bà) chức vụ (nếu có)

-

-

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan

- Ông (bà)chức vụ (nếu có)

-

-

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC(6)....

.....

.....

III. KẾT QUẢ LÀM VIỆC(7)....

.....

Biên bản gồm trang, được lập thành bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người tham gia nghe, xem lại, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; đã giao cho người/đại diện có tên trên 01 bản./.

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC TRANH CHẤP**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký)

Họ và tên _____

(Ký)

Họ và tên _____

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CÓ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
LIÊN QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN (2)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú

1. Tên cơ quan cấp trên.
2. Tên cơ quan được giao nhiệm vụ theo dõi.
3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
4. Chức danh, cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
5. Ghi nơi lập biên bản làm việc.
6. Ghi nội dung làm việc: Động viên, giải thích, yêu cầu các bên chấp hành quyết định; ý kiến của các bên.
7. Ghi kết quả làm việc.